

Bản án số: 192/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2026
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Sỹ Nam.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền và bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2026/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2026/QĐST - HNGĐ ngày 28/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh ngày 02/6/1986; Căn cước công dân số 042186003712; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Chiến C, sinh ngày 26/03/1977; Căn cước công dân số 042077007091; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, lần thứ hai không rõ lý do).

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Trịnh Công C1, sinh năm: 13/10/1948; Căn cước công dân số 042048003833; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H kết hôn với anh Trịnh Chiến C trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2006 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, một thời gian sau anh C đi nước ngoài và

không liên lạc về cho vợ con nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Trần Thị H xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:* Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Văn Thái D, sinh ngày: 23/6/2007. Hiện con đã trưởng thành tự chăm lo cuộc sống cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung:* Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Trịnh Chiến C:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 101/QLXNC - Đ1 ngày 20/4/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H thể hiện: “Anh Trịnh Chiến C, sinh ngày 26/3/1977, đã xuất cảnh ngày 24/02/2013 qua SBQT Nội Bài, không thấy thông tin nhập cảnh nhập cảnh về nước trên hệ thống”. Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Trịnh Chiến C và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh C ở thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của ban đối ngoại (VOV5) cho anh Trịnh Chiến C biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (16h23p ngày 15/5/2026, 09h00 ngày 16/5/2026, 09h00 ngày 17/5/2026) để anh C về giải quyết. Tuy nhiên, anh Trịnh Chiến C không có mặt theo thông báo của Tòa án nhưng tại biên bản ghi ý kiến trình bày của bị đơn ngày 02/7/2026 thực hiện từ tài khoản messenger của con Trịnh Văn Thái D bằng tên đăng nhập Duong Thai qua tài khoản messenger của anh Trịnh Chiến C, tên đăng nhập Cong Truong với sự chứng kiến của chị H, ông C1, cháu D. Anh Công trình bày: Anh đã được gia đình thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh và chị H. Quan điểm của anh là vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trịnh Văn Thái D, sinh ngày 23/6/2007, hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại nước A, lao động bất hợp pháp nên việc đi về rất khó khăn, không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vợ chồng không có tranh chấp gì, mọi việc nên thực hiện theo thủ tục nhanh nhất để các bên ổn định cuộc sống. Anh đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân của anh ở Việt Nam là bố đẻ ông Trịnh Công C1, ông C1 sẽ có trách nhiệm thông tin cho anh. Quá trình sau đó anh C không có bất kỳ thông tin văn bản ý kiến trình bày nào khác.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Trịnh Công C1 trình bày: Quá trình vợ chồng C, H xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cụ thể như thế nào ông không rõ. Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án ông đã thông tin cho C, về quan điểm C cũng nhất trí ly hôn. Về con chung của vợ chồng hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Trần Thị H có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trịnh Công C2.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trịnh Văn Thái D, sinh ngày: 23/6/2007. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 143, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 08/4/2026, chị Trần Thị H có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trịnh Chiến C. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị H, anh C đều có nơi đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H, ông Trịnh Công C1 xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Trịnh Chiến C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tất cả các đương sự nêu trên.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Trịnh Chiến C trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 20/11/2006 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay xã T, tỉnh Hà Tĩnh). Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2006 do UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay xã T, tỉnh Hà Tĩnh) cấp đã được chị H giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Trịnh Chiến C là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau 01 người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh C lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay mà cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, anh C hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước A, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; Nguyên đơn chị H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng*: Theo lời khai của chị H và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị H, anh C có 01 con chung là cháu Trịnh Văn Thái D, sinh ngày: 23/6/2007. Hiện nay cháu D đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 238, Điều 271, Điều 469 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh T chiến Công

2. *Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000512 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Chiến C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Sỹ Nam